

Bản án số: 38/2018/DS-ST
Ngày: 27 – 7 – 2018
V/v tranh chấp hợp đồng góp hội.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Vinh Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Xuronne.

2. Ông Huỳnh Khởi.

- Thư ký phiên toà: Ông Quách Văn Diễn-Thư ký Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 27 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2018/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2018, về tranh chấp hợp đồng góp hội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2018/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1970, địa chỉ: Số 250/5, Ấp A, xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- Bị đơn: Bà Châu Hồng T, sinh năm 1975, địa chỉ: Số 28/1, Ấp A1, xã B, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2017, biên bản hoà giải ngày 05/7/2018, và các tài liệu chứng cứ khác, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Bà là hội viên, còn bà Châu Hồng T là Chủ hội, có tham gia dây hội như sau:

Dây hội mùa 2.000.000 đồng, mở ngày 26/3/2011 (âl), có 22 phần, bà tham gia 01 phần, bà không ăn thua với người em ruột (tên Bé) cũng tham gia chơi 01 phần trong dây hội này, bà đóng hội sống đến lần khai thứ 20 thì hốt, nhưng đến ngày 09/12/2017 (âl), bà T chỉ giao cho bà số tiền 38.000.000đ,

tương đương với 19 phần hụi, bà không đồng ý nhận. Nên bà T mang tiền về và cũng không chịu giao cho bà đến nay.

Nay bà khởi kiện yêu cầu bà T phải trả số tiền nợ hụi là 38.000.000 đồng và bà không yêu cầu tính lãi.

*Tại biên bản hoà giải ngày 05/7/2018 và các tài liệu chứng cứ khác, bị đơn bà Châu Hồng T trình bày:

Bà là Chủ hụi, còn bà Trần Thị L là hụi viên, có tham gia dây hụi như sau:

Dây hụi mùa 2.000.000 đồng, mở ngày 26/3/2011 (âl), có 22 phần, bà L tham gia 01 phần, bà L không ăn thua với người em ruột (tên Bé) cũng tham gia chơi 01 phần trong dây hụi này. Đến lần khui thứ 20 thì úp hụi không khui nữa, bà L đã đóng hụi sống được 19 lần, chưa hốt lần nào và ngưng cho đến nay.

Hiện nay, bà thừa nhận còn nợ bà L số tiền 38.000.000đ, nhưng trừ đầu thảo 1.000.000đ, còn lại là 37.000.000đ.

Trước yêu cầu khởi kiện của bà L, hiện nay bà không có khả năng trả 01 lần, vì nhiều người khác chơi hụi còn nợ bà chưa trả, nên bà chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền 37.000.000đ, trả dần theo vụ lúa, mỗi 04 tháng trả 2.000.000đ cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Tại phiên toà, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Về tố tụng:

[1] Tại phiên Toà, cũng như biên bản hoà giải ngày 05/7/2018, nguyên đơn bà Trần Thị L thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu bị đơn Châu Hồng T trả số tiền nợ hụi 37.000.000đ và không yêu cầu tính lãi. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 71 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về nội dung:

[2] Xét thấy: Giữa bà Trần Thị L với bà Châu Hồng T có thoả thuận và giao kết hợp đồng góp hụi với nhau trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, các bên tham gia giao dịch đều là người có đủ năng lực hành vi dân sự, nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Cả bà Trần Thị L và bà Châu Hồng T đều thống nhất thừa nhận có tham gia chơi hụi với nhau và hiện nay bà T còn nợ bà L số tiền 37.000.000đ.

Đây là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về phương thức trả nợ: Bà T yêu cầu được trả dần số tiền nợ cho bà L theo phương thức trả định kỳ theo vụ lúa, mỗi 04 tháng trả 2.000.000đ cho đến khi dứt nợ. Tại phiên toà, bà L không đồng ý với phương thức trả nợ mà bà T đưa ra, bà L yêu cầu bà T trả nợ ngay một lần. Cho nên, Hội đồng xét xử không thể chấp nhận phương thức trả nợ của bà T đề ra, tuy nhiên, các đương sự có thể tiếp tục thoả thuận phương thức trả nợ phù hợp ở giai đoạn thi hành án.

[5] Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 281, các điều 256, 290 và 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà T phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ hui 37.000.000đ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, cụ thể như sau:

- Buộc bà T phải chịu 1.850.000đ.
- Bà L không phải chịu và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 2 Điều 71, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 281, các điều 256, 290 và 479 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 về họ, hui, biêu, phưong.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L, buộc bà Châu Hồng T phải có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền nợ hui 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (10%/năm), đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị L không phải chịu và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.900.000đ (Một triệu chín trăm ngàn đồng), theo biên lai thu tiền số 0002302, ngày 28/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách.

- Bà Châu Hồng T phải chịu 1.850.000 đồng.

4. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH Kế Sách (khi đã có hiệu lực);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Vinh Thắng